

DANH SÁCH THÍ SINH THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2014

Vòng thi Tin học, Ngoại ngữ

SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
001	Bùi Thị Thùy	Anh	1992	GV Môn Tư pháp quốc tế	
002	Lã Thị Vân	Anh	1991	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
003	Ngô Thị Vân	Anh	1991	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự	
004	Nguyễn Hải	Anh	1986	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
005	Nguyễn Mai	Anh	1992	GV Môn Luật Tài chính - Ngân hàng	
006	Nguyễn Thị Huyền	Anh	1992	GV Môn PL GQ tranh chấp TMQT	
007	Nguyễn Trâm	Anh	1992	GV Môn Xây dựng VBPL	
008	Phan Thị Lan	Anh	1990	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT	
009	Phùng Ngọc	Anh	1990	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế	
010	Trần Phương	Anh	1992	GV Môn PL GQ tranh chấp TMQT	
011	Vy Tuấn	Anh	1992	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế	
012	Ngô Thị Ngọc	Ánh	1989	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế	Miễn thi Ngoại ngữ
013	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	1992	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT	
014	Nguyễn Thị Kim	Chi	1991	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT	
015	Phạm Thị Hà	Chuyên	1992	GV Môn Đường lối CM của ĐCSVN	
016	Nguyễn Thị	Định	1989	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
017	Phạm Thị Hải	Dịu	1987	GV Môn Xây dựng VBPL	
018	Nguyễn Thùy	Dung	1988	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	

019	Lục Việt	Dũng	1990	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
020	Lê Thùy	Dương	1985	GV Môn Ngoại ngữ	Miễn thi Tin học
021	Phan Thanh	Dương	1991	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
022	Phạm Thị Mai	Duyên	1990	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
023	Nguyễn Thị Hương	Giang	1987	GV Môn Luật Tài chính - Ngân hàng	Miễn thi Ngoại ngữ
024	Trần Thị Hương	Giang	1991	GV Môn Pháp luật Châu Á - TBD	
025	Vũ Hoài	Giang	1992	GV Môn Lý luận NN và PL	
026	Phạm Thị Hải	Hà	1988	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
027	Trần Thị Thu	Hà	1988	GV Môn Xây dựng VBPL	
028	Nguyễn Minh	Hải	1991	GV Môn Luật lao động	
029	Lê Thị Thái	Hằng	1992	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
030	Tạ Thị Thanh	Hằng	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
031	Trịnh Thu	Hằng	1989	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
032	Vũ Thị	Hạnh	1992	GV Môn Đường lối CM của ĐCSVN	
033	Phạm Văn	Hiền	1991	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự	
034	Nguyễn Thị Thu	Hiền	1992	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
035	Hoàng Thị	Hoa	1991	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
036	Lưu Thúy	Hòa	1991	GV môn Luật hiến pháp	
037	Thẩm Thúy	Hòa	1992	GV Môn Luật lao động	
038	Phạm Thị	Hồng	1991	GV Môn Đường lối CM của ĐCSVN	
039	Đinh Thị	Huế	1989	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
040	Phạm Thị Thu	Hương	1992	GV Môn Luật lao động	

041	Phùng Việt	Hương	1992	GV Môn Luật hành chính	
042	Quách Thu	Hương	1991	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
043	Nguyễn Thị Ánh	Hương	1992	GV Môn PL đa phương và đầu tư QT	
044	Phạm Thị	Hương	1988	GV Môn Luật hành chính	
045	Đặng Quang	Huy	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
046	Bùi Thanh	Huyền	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
047	Đặng Thị Ngọc	Huyền	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
048	Vũ Thị Thu	Huyền	1988	GV Môn PL đa phương và đầu tư QT	
049	Nguyễn Thị Thanh	Lam	1991	GV Môn Đường lối CM của ĐCSVN	
050	Đồng Thị	Len	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
051	Nguyễn Nhật	Linh	1992	GV Môn Luật lao động	
052	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1991	GV Môn Xã hội học	
053	Nguyễn Thuý	Linh	1991	GV Môn Luật hành chính	
054	Ngô Thị	Lộc	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
055	Đồng Gia	Lượng	1990	GV Môn Luật Tài chính - Ngân hàng	
056	Nguyễn Diệu	Ly	1991	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
057	Ngô Tuyết	Mai	1991	GV Môn Xây dựng VBPL	
058	Đồng Hoàng	Minh	1991	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
059	Nguyễn Anh	Minh	1991	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế	Miễn thi Ngoại ngữ
060	Kiều Vũ Nhật	Nga	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
061	Phạm Thị Ánh	Ngọc	1992	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự	
062	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1990	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	

063	Nguyễn Thị Thanh	Nhị	1992	GV Môn Luật lao động	
064	Bùi Hồng	Nhung	1992	GV Môn Luật lao động	
065	Nguyễn Thị Phương	Nhung	1991	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
066	Nguyễn Đình	Phong	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
067	Hoàng Thanh	Phương	1990	GV Môn Pháp luật Châu Á - TBD	
068	Hoàng Thị Lan	Phương	1990	GV Môn Luật hành chính	
069	Nguyễn Bích	Phượng	1990	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
070	Nguyễn Thị	Phượng	1989	GV môn Luật hiến pháp	
071	Nguyễn Minh	Quang	1992	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT	
072	Trần Thị	Quyên	1992	GV Môn Lý luận NN và PL	
073	Nguyễn Anh Hoàng	Sơn	1992	GV Môn Tư pháp quốc tế	
074	Vũ Thanh	Tâm	1992	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự	
075	Vũ Thị	Tâm	1992	GV Môn Lý luận NN và PL	
076	Phạm Thị Thanh	Thanh	1992	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
077	Đỗ Trí	Thành	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
078	Lê Nguyên	Thảo	1992	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự	
079	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1989	GV Môn Luật lao động	
080	Phùng Phương	Thảo	1991	GV Môn Tư pháp quốc tế	
081	Đào Tiến	Thịnh	1992	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự	
082	Nguyễn Thị	Thuần	1987	GV Môn Tư pháp quốc tế	
083	Trần Thị	Thương	1992	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
084	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	1992	GV môn Luật hiến pháp	

085	Nghiêm Thị	Thủy	1992	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
086	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	1990	GV Môn Xã hội học	
087	Hoa Huyền	Trang	1991	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
088	Nguyễn Thu	Trang	1990	GV Môn Luật hành chính	
089	Trần Thị Kiều	Trang	1989	GV Môn Luật lao động	
090	Trần Thuý Quỳnh	Trang	1991	GV Môn Luật lao động	
091	Lê Kiên	Trung	1991	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
092	Bùi Thị Phương	Tú	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
093	Bùi Duy	Tùng	1991	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế	
094	Đào Thị	Tuyền	1990	GV Môn Lý luận NN và PL	
095	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	1991	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
096	Nguyễn Thị Hồng	Vân	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
097	Nguyễn Đức	Việt	1990	GV Môn Tư pháp quốc tế	Miễn thi Ngoại ngữ
098	Nghiêm Thị	Xuân	1986	GV Môn Ngoại ngữ	Không phải dự thi môn Tiếng Anh điều kiện
099	Nguyễn Thuận	Yến	1991	GV Môn Tư pháp quốc tế	
100	Nông Thị Hồng	Yến	1991	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	
101	Trần Thu	Yến	1992	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT	
102	Lê Thúy	An	1989	CV. Khoa Tái chức	
103	Trần Thúy	An	1988	CV.P. Tài chính - Kế toán	
104	Nguyễn Thị Lan	Anh	1992	CV.P. Tài chính - Kế toán	
105	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	1990	CV. Khoa Tái chức	
106	Trần Thị	Ánh	1990	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	

107	Lê Thị Liên	Chi	1990	CV. Khoa Tại chức	
108	Phan Thùy	Dương	1991	CV. Phòng Công tác sinh viên	Miễn thi Tin học
109	Lê Thị Vương	Giang	1991	CV. Phòng Công tác sinh viên	
110	Hoàng Thị	Hà	1991	CV. Phòng Công tác sinh viên	
111	Ngô Thị	Hà	1990	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
112	Nguyễn Thu	Hà	1991	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
113	Phạm Ngọc	Hà	1991	CV. Khoa Tại chức	
114	Lê Thúy	Hằng	1988	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
115	Nguyễn Thị Bích	Hằng	1992	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
116	Lộc Thị Mỹ	Hạnh	1991	CV. Phòng Công tác sinh viên	
117	Trần Đình	Hậu	1989	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
118	Nguyễn Thị Minh	Hiền	1992	CV. Khoa Tại chức	
119	Nguyễn Thu	Hiền	1992	CV. Khoa Tại chức	
120	Tạ Thị Thu	Hiền	1992	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
121	Trần Thu	Hiền	1991	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
122	Khúc Thị Ngọc	Hoa	1991	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
123	Nguyễn Thị	Hồng	1991	CV. Phòng Công tác sinh viên	
124	Trần Như	Huế	1990	CV.P. Tài chính - Kế toán	
125	Trần Khắc	Hùng	1986	Điều dưỡng viên (Y tá)	
126	Nguyễn Quang	Huy	1989	CV. P. Hành chính - Tổng hợp	Miễn thi Ngoại ngữ
127	Nguyễn Thị	Huyền	1992	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
128	Phạm Thanh	Huyền	1992	CV. Khoa Tại chức	

129	Nguyễn Đăng	Khá	1986	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
130	Chu Minh	Khôi	1991	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
131	Nguyễn Thị Kim	Liên	1984	CV. Phòng Công tác sinh viên	
132	Bùi Thị	Linh	1987	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
133	Hoàng Diệu	Linh	1991	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
134	Phạm Ngọc	Linh	1990	CV. Phòng Công tác sinh viên	
135	Trần Khánh	Ly	1991	CV.P. Tài chính - Kế toán	
136	Hà Thị	Minh	1991	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
137	Nguyễn Ngọc	Minh	1989	Điều dưỡng viên (Y tá)	
138	Trần Quỳnh	Nga	1991	CV. Khoa Tại chức	
139	Phùng Thị	Ngân	1992	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
140	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	1991	CV. Khoa Tại chức	
141	Trần Thị	Ngọc	1989	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
142	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	1991	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
143	Nguyễn Hữu	Quyên	1986	Điều dưỡng viên (Y tá)	
144	Nguyễn Thị	Quỳnh	1992	Điều dưỡng viên (Y tá)	
145	Phạm Diễm	Quỳnh	1991	CV.P. Tài chính - Kế toán	
146	Nguyễn Thị Thanh	Thắm	1991	CV. Phòng Công tác sinh viên	
147	Vũ Thị	Thanh	1983	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
148	Kiều Thị Thu	Thảo	1992	CV. Khoa Tại chức	
149	Nguyễn Thị	Thơ	1992	CV. Khoa Tại chức	
150	Dương Thị	Thùy	1992	CV. Khoa Tại chức	

151	Chu Bích	Thủy	1989	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
152	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	1988	TVV. Trung tâm Thông tin thư viện	
153	Lê Thị Huyền	Trang	1988	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
154	Lê Thị Thu	Trang	1988	CV. Phòng Công tác sinh viên	
155	Nguyễn Thị Huyền	Trang	1990	CV. Khoa Tại chức	
156	Nguyễn Thị Thu	Trang	1988	Điều dưỡng viên (Y tá)	
157	Phạm Thị Thu	Trang	1990	CV. Phòng Tổ chức cán bộ	
158	Nguyễn Việt	Tuấn	1988	CV.P. Tài chính. - Kế toán	
159	Ngô Đăng	Tùng	1991	CV. Khoa Tại chức	
160	Trần Thanh	Vân	1991	CV. Khoa Tại chức	
161	Nguyễn Hải	Yến	1991	CV. Phòng Công tác sinh viên	

Ngày 19 tháng 01 năm 2015

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2014



Phan Chí Hiếu